DIN-rail SPD cho AC Power Supply (UL Standard)

Độc Cực SPD

?? TPAE bằng sáng chế? tối max 50kA

SP ... -S

- UL công nhận Loại 1ca (UL1449 4th), Loại 2ca (CSA C22.2) SPD với MOV năng lượng cao
  Công nghệ
- độ tin cậy cao do toàn cầu cấp bằng sáng chế nhiệt bảo vệ với thiết bị hồ quang dập tắt đặc biệt
  (Công nghệ TPAE)
- tăng cao khả năng xả hiện nay lên đến 50kA 8/20
- Ngắn mạch Đánh giá hiện tại (UL 1449, SCCR) 200kA thử nghiệm mà không cầu chì bên ngoài hoặc CB
- mô-đun Pluggable để dễ dàng thay thế
- dấu hiệu suy thoái và tùy chọn liên lạc tín hiệu từ xa
- Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4th2, IEEE C62.41, CSA C22.2

Mô hình		SP150-S	SP180-S SP275A-S SP320-S			SP385-S	SP420-S	SP550-S	SP690-S
tuân		UL1449 4th; EN / IEC 61.643-11							
Thể loại UL / EN / IEC		Loại 1ca / T2 / Class II							
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC / DC)	U_c	150V / 200V 180V / 230V 275V / 350V 320V / 420V 385V / 505V 420V / 560V 550V / 745V 690V / 895V							
Công nghệ sản phẩm		công nghệ MOV nghệ TPAE (bằng sáng chế)							
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / L-PE hoặc LN hoặc N-PE							
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20µs)	$I_{tối\ n}$	20kA							
Max. Xả hiện tại (8 / 20µs)	$I_{tối\ max}$	50kA							40kA
Voltage Protection Rating @ 6kV / 3kA UL 1449 VPR		≤ 0.7kV	≤ 1.0kV	≤ 1.0kV	≤ 1.2kV	≤ 1.5kV	≤ 1.5kV	≤ 1.8kV	≤ 2.5kV
Bảo vệ điện áp Cấp @I_n IEC 61.643	U_p	≤ 0.8kV	≤ 1.0kV	≤ 1.4kV	≤ 1.5kV	≤ 1.8kV	≤ 2.0kV	≤ 2.5kV	≤ 3.2kV
Tạm thời quá áp TOV - chịu được chế độ	U_{tov}	175V / 5s	228V / 5s	335V / 5s	335V / 5s	403V / 5s	504V / 5s	697V / 5s	872V / 5s
hiện tại còn lại	$I_{tối\ PE}$	<0.1mA							
Đánh giá ngắn mạch hiện tại mỗi UL 1449	$I_{tối\ sccr}$	200kArms							
Ngắn mạch Đánh giá hiện tại mỗi IEC 61.643	$I_{tối\ sc}$	10kArms							
Thời gian đáp ứng	$t_{Một}$	≤ 25ns							
Sao lưu Fuse (chỉ cần thiết nếu chưa được cung cấp trong nguồn điện)		125A GL / GG							
Môi trường làm việc		Nhiệt độ: -40ºC ~ + 85ºC; Độ ẩm: ≤ 95%; độ cao: ≤ 2000m							
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 35mm2; đa sợi 25mm2							
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3							
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0							
Mức độ bảo vệ		IP20							
Chiều rộng lắp đặt		1 mô-đun, DIN 43.880							
Thất bại Chỉ định / Tình trạng		Không RED-							
Từ xa báo động Liên hệ		Vàng							
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		UL, CE							
Dữ liệu bổ sung cho Remote Alarm hệ từ xa Alarm Loại Liên									
hệ		Isolated Mẫu C							
Switching Capability	U_n / $I_{tối\ n}$	AC: 250V / 0.5A; DC: 250V / 0.1A; 125V / 0.2A; 75V / 0.5A							
Max. Kích thước của kết nối Wire		Max. 1.5mm2 (hoặc # 16AWG)							

Lưu ý: Xin vui lòng xem trang 44 và 45 cho prewired kết hợp đa cực.

?? Vẽ Dimension

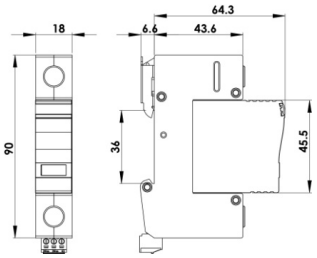

?? Basic Circuit Diagram

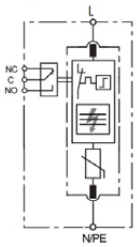

Mô-đun pluggable cho loạt SP

phần Không		Loại mô-đun	Max. Phóng điện Hiện nay, Imax (8 / 20μs) (KA)	Xả danh nghĩa Hiện tại, In (8 / 20μs) (KA)	Max. Liên tiếp Điện áp hoạt động, MCOV (VAC)	Voltage Protection Rating, VPR (KV)	SCCR Đánh giá (kArms)
loại 1ca	loại 2ca						
MSP150	MSP150C	MOV	50	20	150	0.7	200
MSP180	MSP180C	MOV	50	20	180	1.0	200
MSP275A	MSP275AC	MOV	50	20	275	1.0	200
MSP320	MSP320C	MOV	50	20	320	1.2	200
MSP385	MSP385C	MOV	50	20	385	1,5	200
MSP420	MSP420C	MOV	50	20	420	1,5	200
MSP550	MSP550C	MOV	50	20	550	1.8	200
MSP690	MSP690C	MOV	40	20	690	2,5	200
MSP150T	MSP150TC	GDT	50	20	150	0.9	200
MSP255T	MSP255TC	GDT	50	20	255	0.9	200

Độc Cực SPD

?? N-PE Mô-đun ?? TAPE bằng sáng chế ?? tối max 50kA

SP ... TS

- UL công nhận Loại 1ca SPD (UL1449 4th), Loại 2ca (CSA C22.2) với GDT năng lượng cao công nghệ để bảo vệ NPE
- độ tin cậy cao do toàn cầu cấp bằng sáng chế nhiệt bảo vệ với thiết bị hồ quang dập tắt đặc biệt (Công nghệ TPAE).
- tăng cao khả năng xả hiện nay lên đến 50kA 8/20
- mô-đun Pluggable để dễ dàng thay thế
- dấu hiệu suy thoái và tùy chọn liên lạc tín hiệu từ xa.
- Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4thứ, IEEE C62.41, CSA C22.2

Mô hình		SP150T-S	SP255T-S
tuân		EN / IEC 61.643-11, UL 1449 4thứ	
Thể loại UL / EN / IEC		Loại 1ca / T2 / Class II	
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC)	U_c	150V	255V
Công nghệ		GDT công nghệ công nghệ TPAE (bằng sáng chế)	
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / N-PE	
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20µs)	tối in	20kA	
Max. Xả hiện tại (8 / 20µs)	tối max	50kA	
Voltage Protection Rating @ 6kV / 3kA UL 1449	VPR	≤ 0.9kV	≤ 0.9kV
Voltage Protection Cấp @ 1.2 / 50µs IEC61643	U_p	≤ 1.5kV	≤ 1.5kV
Tạm thời quá áp TOV - Chế độ chịu được	U_{tov}	1200V / 200ms	1200V / 200ms
hiện tại còn lại	tối PE	Không	
Làm theo hiện Interrupt Đánh giá	tối fi	200A @ 255Vac	
Ngắn mạch Đánh giá hiện tại mỗi IEC 61.643	tối sc	10kArms	
Thời gian đáp ứng	tMột	≤ 100ns	
môi trường		Nhiệt độ: - 40ºC ~ + 85ºC; Độ ẩm: ≤ 95%; độ cao: ≤ 2000m	
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 35mm2; đa sợi 25mm2	
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3	
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0	
Mức độ bảo vệ		IP20	
Chiều rộng lắp đặt		1 mô-đun, DIN 43.880	
Thất bại Chỉ định / Tình trạng		Không RED-	
Từ xa báo động Liên hệ		Vâng	
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		UL, CE	
Dữ liệu bổ sung cho Remote Alarm hệ từ xa Alarm Loại Liên			
hệ		Isolated Mẫu C	
Switching Capability Un / tối n		AC: 250V / 0.5A; DC: 250V / 0.1A; 125V / 0.2A; 75V / 0.5A	
Max. Kích thước của kết nối Wire		Max. 1.5mm2 (hoặc # 16AWG)	

Lưu ý: Xin vui lòng xem trang 44 và 45 cho prewired kết hợp đa cực.

?? Vẽ Dimension

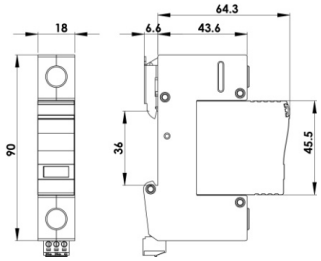

?? Basic Circuit Diagram

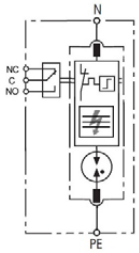

Prewired Multi-cực SPD

Part No.	Cây sào	Hệ thống năng lượng	Điện áp danh định (giai đoạn điện áp) U_n	Max. Điều hành Vôn U_c	Max. Xả hiện tại (8 / 20μs) tối max	Điện áp Rating Bảo vệ VPR	gián đồ
SP150 / 2P-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	50kA	L / NG: 0.7kV	5
SP180 / 2P-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	120 ~ 127Vac	175Vac	50kA	L / NG: 1.0kV	5
SP275A / 2P-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	50kA	L / NG: 1.0kV	5
SP320 / 2P-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	240 ~ 277Vac	320Vac	50kA	L / NG: 1.2kV	5
SP385 / 2P-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	240 ~ 277Vac	385Vac	50kA	L / NG: 1.5kV	5
SP420 / 2P-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	277 ~ 347Vac	420Vac	50kA	L / NG: 1.5kV	5
SP550 / 2P-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	480Vac	550Vac	50kA	L / NG: 1.8kV	5
SP690 / 2P-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	600VAC	690Vac	40kA	L / NG: 2.5kV	5
SP150 / PN-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	50kA	LN: 0.7kV, N-PE: 0.9kV	4
SP180 / PN-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	120 ~ 127Vac	175Vac	50kA	LN: 1.0kV, N-PE: 0.9kV	4
SP275A / PN-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	50kA	LN: 1.0kV, N-PE: 0.9kV	4
SP320 / PN-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	240 ~ 277Vac	320Vac	50kA	LN: 1.2kV, N-PE: 0.9kV	4
SP385 / PN-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	240 ~ 277Vac	385Vac	50kA	LN: 1.5kV, N-PE: 0.9kV	4
SP420 / PN-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	277 ~ 347Vac	420Vac	50kA	LN: 1.5kV, N-PE: 0.9kV	4
SP150 / 3P-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	50kA	LG: 0.7kV	3
SP180 / 3P-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	120 ~ 127Vac	175Vac	50kA	LG: 1.0kV	3
SP275A / 3P-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	50kA	LG: 1.0kV	3
SP320 / 3P-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	240 ~ 277Vac	320Vac	50kA	LG: 1.2kV	3
SP385 / 3P-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	240 ~ 277Vac	385Vac	50kA	LG: 1.5kV	3
SP420 / 3P-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	277 ~ 347Vac	420Vac	50kA	LG: 1.5kV	3
SP550 / 3P-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	480Vac	550Vac	50kA	LG: 1.8kV	3
SP690 / 3P-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	600VAC	690Vac	40kA	LG: 2.5kV	3
SP150 / 3PN-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	50kA	LN: 0.7kV, N-PE: 0.9kV	2
SP180 / 3PN-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	120 ~ 127Vac	175Vac	50kA	LN: 1.0kV, N-PE: 0.9kV	2
SP275A / 3PN-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	50kA	LN: 1.0kV, N-PE: 0.9kV	2
SP320 / 3PN-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	240 ~ 277Vac	320Vac	50kA	LN: 1.2kV, N-PE: 0.9kV	2
SP385 / 3PN-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	240 ~ 277Vac	385Vac	50kA	LN: 1.5kV, N-PE: 0.9kV	2
SP420 / 3PN-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	277 ~ 347Vac	420Vac	50kA	LN: 1.5kV, N-PE: 0.9kV	2
SP150 / 4P-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	50kA	L / NG: 0.7kV	1
SP180 / 4P-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	120 ~ 127Vac	175Vac	50kA	L / NG: 1.0kV	1
SP275A / 4P-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	50kA	L / NG: 1.0kV	1
SP320 / 4P-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	240 ~ 277Vac	320Vac	50kA	L / NG: 1.2kV	1
SP385 / 4P-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	240 ~ 277Vac	385Vac	50kA	L / NG: 1.5kV	1
SP420 / 4P-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	277 ~ 347Vac	420Vac	50kA	L / NG: 1.5kV	1
SP550 / 4P-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	347Vac	550Vac	50kA	L / NG: 1.8kV	1
SP690 / 4P-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	347Vac	690Vac	40kA	L / NG: 2.5kV	1

giản đồ	Basic Circuit Diagram	Vẽ Dimension
1) 4 + 0	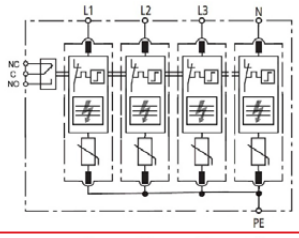	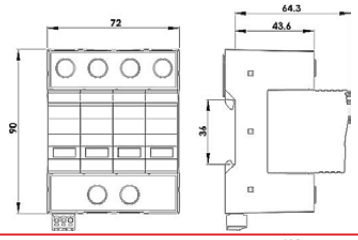
2) 3 + 1	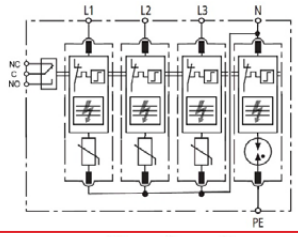	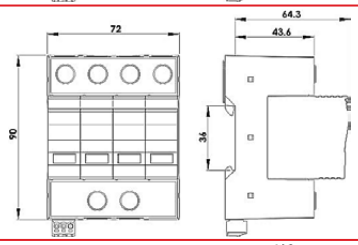
3) 3 + 0	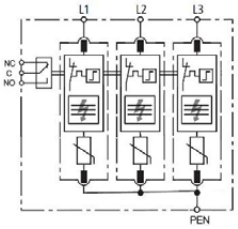	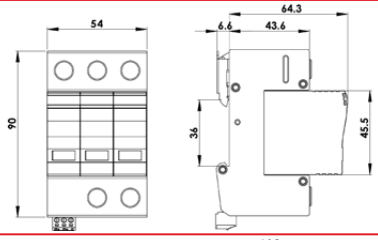
4) 1 + 1	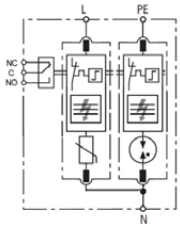	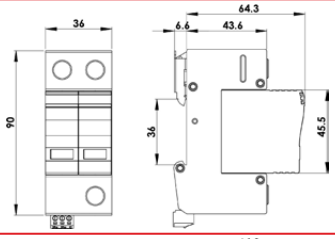
5) 2 + 0	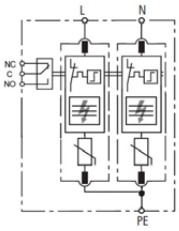	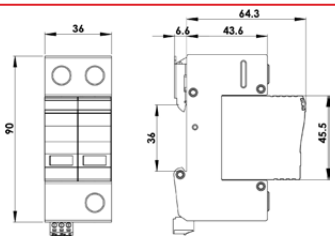

Độc Cực SPD

?? TPAE bằng sáng chế? tôi max 50kA

V50 ... -S

- ¾ ETL được chứng nhận Kiểu 1ca (UL1449 4th), Loại 2ca (CSA C22.2) SPD với MOV năng lượng cao Công nghệ
- ¾ độ tin cậy cao do toàn cầu cấp bằng sáng chế nhiệt bảo vệ với thiết bị hồ quang dập tắt đặc biệt (Công nghệ TPAE)
- ¾ tăng cao khả năng xả hiện nay lên đến 50kA 8/20
- ¾ Ngắn mạch Đánh giá hiện tại (UL1449, SCCR) 200kA thử nghiệm mà không cầu chì bên ngoài hoặc CB
- ¾ mô-đun Pluggable để dễ dàng thay thế
- ¾ dấu hiệu suy thoái và tùy chọn liên lạc tín hiệu từ xa
- ¾ Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4th, IEEE C62.41, CSA C22.2

Mô hình		V50 / 150-S V50	/ 180-S V50 / 250-S	V50 / 275-S V50	320-S V50 / 420-S	V50 / 510-S V50 /	550-S		
tuân		UL 1449 4th, EN / IEC 61.643-11							
Thể loại UL / EN / IEC		Loại 1ca / T2 / Class II							
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC / DC) Uc		150V / 200V	180V / 240V	250V / 330V	275V / 370V	320V / 420V	420V / 560V	510V / 670V	550V / 710V Công nghệ
		Cao công nghệ năng lượng MOV nghệ TPAE (bằng sáng chế)							
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / L-PE hoặc LN hoặc N-PE							
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20µs)	tôi n	20kA							
Max. Xả hiện tại (8 / 20µs)	tôi max	50kA							
Bảo vệ điện áp 6kV Đánh giá / 3kA UL 1449 VPR		≤ 0.7kV	≤ 0.7kV	≤ 1.0kV	≤ 1.0kV	≤ 1.0kV	≤ 1.2kV	≤ 1.5kV	≤ 1.5kV
Tạm thời quá áp TOV - Chế độ chịu được	U tov	175V / 5s	228V / 5s	320V / 5s	335V / 5s	335V / 5s	504V / 5s	610V / 5s	697V / 5s
hiện tại còn lại	tôi PE	<0.1mA							
Đánh giá ngắn mạch hiện tại mỗi UL 1449	tôi sccr	200kArms							
Ngắn mạch Đánh giá hiện tại mỗi IEC 61.643	tôi sc	10kArms							
Thời gian đáp ứng	t Một	≤ 25ns							
Sao lưu Fuse (chỉ cần thiết nếu chưa được cung cấp trong nguồn điện)		125A GL / GG							
môi trường		Nhiệt độ: - 40ºC ~ + 85ºC; Độ ẩm: ≤ 95%; độ cao: ≤ 2000m							
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 35mm2; đa sợi 25mm2							
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3							
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0							
Mức độ bảo vệ		IP20							
Chiều rộng lắp đặt		1 mô-đun, DIN 43.880							
Thất bại Chỉ định / Tình trạng		Không RED-							
Từ xa báo động Liên hệ		Vâng							
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		ETL, CE							
Dữ liệu bổ sung cho Remote Alarm hệ từ xa Alarm Loại Liên									
hệ		Isolated Mẫu C							
Switching Capability Un / tôi n		AC: 250V / 0.5A; DC: 250V / 0.1A; 125V / 0.2A; 75V / 0.5A							
Max. Kích thước của kết nối Wire		Max. 1.5mm2 (hoặc # 16AWG)							

Lưu ý: Xin vui lòng xem trang 48 và 49 cho prewired kết hợp đa cực.

?? Vẽ Dimension

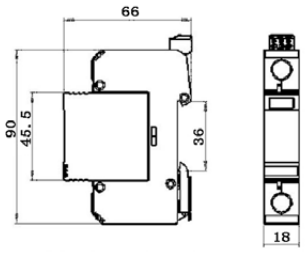

?? Basic Circuit Diagram

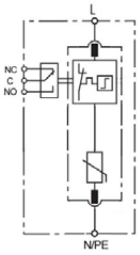

Độc Cực SPD

?? N-PE ?? tôi max 50kA

T50 ... -S

- ETL được chứng nhận Kiểu 1ca SPD (UL1449 4th), Loại 2ca (CSA C22.2) với GDT năng lượng cao công nghệ để bảo vệ NPE
- độ tin cậy cao do toàn cầu cấp bằng sáng chế nhiệt bảo vệ với đặc biệt hồ quang dập tắt thiết bị (công nghệ TPAE).
- tăng cao khả năng xả hiện nay lên đến 50kA 8/20
- mô-đun Pluggable để dễ dàng thay thế
- dấu hiệu suy thoái và tùy chọn liên lạc tín hiệu từ xa.
- Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4th, IEEE C62.41, CSA C22.2

Mô hình		T50 / 150-S	T50 / 255-S	T50 / 350-S	T50 / 440-S
tuân		EN / IEC 61.643-11, UL 1449 4thứ			
Thể loại UL / EN / IEC		Loại 1ca / T2 / Class II			
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC)	U_c	150V	255V	350V	440V
Công nghệ		GDT công nghệ công nghệ TPAE (bằng sáng chế)			
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / N-PE			
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20µs)	$tôi_n$	20kA			
Max. Xả hiện tại (8 / 20µs)	$tôi_{max}$	50kA			
Voltage Protection Rating @ 6kV / 3kA UL 1449	VPR	≤ 0.8kV	≤ 1.0kV	≤ 1.2kV	≤ 1.5kV
Tạm thời quá áp TOV - Chế độ chịu được	U_{tov}	1200V / 200ms	1200V / 200ms	1200V / 200ms	1200V / 200ms
hiện tại còn lại	$tôi_{PE}$	Không			
Làm theo hiện Interrupt Đánh giá	$tôi_{fi}$	200A @ 255Vac			
Thời gian đáp ứng	$t_{MỘt}$	≤ 100ns			
môi trường		Nhiệt độ: - 40ºC ~ + 85ºC; Độ ẩm: ≤ 95%; độ cao: ≤ 2000m			
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 35mm2; đa sợi 25mm2			
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3			
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0			
Mức độ bảo vệ		IP20			
Chiều rộng lắp đặt		1 mô-đun, DIN 43.880			
Thất bại Chỉ định / Tình trạng		Không RED-			
Từ xa báo động Liên hệ		Vâng			
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		ETL, CE			
Dữ liệu bổ sung cho Remote Alarm hệ từ xa Alarm Loại Liên					
hệ		Isolated Mẫu C			
Switching Capability U_n / $tôi_n$		AC: 250V / 0.5A; DC: 250V / 0.1A; 125V / 0.2A; 75V / 0.5A			
Max. Kích thước của kết nối Wire		Max. 1.5mm2 (hoặc # 16AWG)			

Lưu ý: Xin vui lòng xem trang 48 và 49 cho prewired kết hợp đa cực.

?? Vẽ Dimension

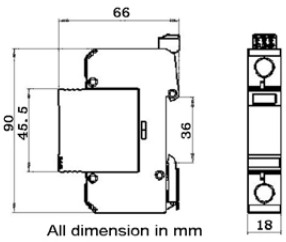

?? Basic Circuit Diagram

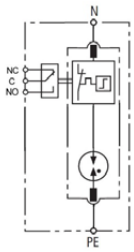

Prewired Multi-cực SPD

Part No.	Cây sào	Hệ thống năng lượng	Điện áp danh định (giai đoạn điện áp) U_n	Max. Điều hành Vôn U_c	Max. Xả hiện tại (8 / 20μs) tối max	Đánh giá bảo vệ điện áp VPR	giản đồ
DS50 / 150-2V-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	50kA	L / NG: 0.7kV	5
DS50 / 180-2V-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	120 ~ 127Vac	180Vac	50kA	L / NG: 0.7kV	5
DS50 / 250-2V-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	220Vac	250Vac	50kA	L / NG: 1.0kV	5
DS50 / 275-2V-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	50kA	L / NG: 1.0kV	5
DS50 / 320-2V-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	240 ~ 277Vac	320Vac	50kA	L / NG: 1.0kV	5
DS50 / 420-2V-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	277 ~ 347Vac	420Vac	50kA	L / NG: 1.2kV	5
DS50 / 510-2V-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	400Vac	510Vac	50kA	L / NG: 1.5kV	5
DS50 / 550-2V-S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	480Vac	550Vac	50kA	L / NG: 1.5kV	5
DS50 / 150 (V + T) -S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	50kA	LN: 0.7kV, N-PE: 0.8kV	4
DS50 / 180- (V + T) -S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	120 ~ 127Vac	180Vac	50kA	LN: 0.7kV, N-PE: 0.8kV	4
DS50 / 250- (V + T) -S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	220Vac	250Vac	50kA	LN: 1.0kV, N-PE: 1.0kV	4
DS50 / 275- (V + T) -S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	50kA	LN: 1.0kV, N-PE: 1.0kV	4
DS50 / 320- (V + T) -S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	240 ~ 277Vac	320Vac	50kA	LN: 1.0kV, N-PE: 1.0kV	4
DS50 / 420- (V + T) -S	2	giai đoạn duy nhất 2W + G	277 ~ 347Vac	420Vac	50kA	LN: 1.2kV, N-PE: 1.2kV	4
DT50 / 150-3V-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	50kA	LG: 0.7kV	3
DT50 / 180-3V-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	120 ~ 127Vac	180Vac	50kA	LG: 0.7kV	3
DT50 / 250-3V-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	220Vac	250Vac	50kA	LG: 1.0kV	3
DT50 / 275-3V-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	50kA	LG: 1.0kV	3
DT50 / 320-3V-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	240 ~ 277Vac	320Vac	50kA	LG: 1.0kV	3
DT50 / 420-3V-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	277 ~ 347Vac	420Vac	50kA	LG: 1.2kV	3
DT50 / 510-3V-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	400Vac	510Vac	50kA	LG: 1.5kV	3
DT50 / 550-3V-S	3	Ba giai đoạn 3W + G	480Vac	550Vac	50kA	LG: 1.5kV	3
DT50 / 150 (3V + T) -S	4	Ba giai đoạn 4W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	50kA	LN: 0.7kV, N-PE: 0.8kV	2
DT50 / 180- (3V + T) -S	4	Ba giai đoạn 4W + G	120 ~ 127Vac	180Vac	50kA	LN: 0.7kV, N-PE: 0.8kV	2
DT50 / 250- (3V + T) -S	4	Ba giai đoạn 4W + G	220Vac	250Vac	50kA	LN: 1.0kV, N-PE: 1.0kV	2
DT50 / 275- (3V + T) -S	4	Ba giai đoạn 4W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	50kA	LN: 1.0kV, N-PE: 1.0kV	2
DT50 / 320- (3V + T) -S	4	Ba giai đoạn 4W + G	240 ~ 277Vac	320Vac	50kA	LN: 1.0kV, N-PE: 1.0kV	2
DT50 / 420- (3V + T) -S	4	Ba giai đoạn 4W + G	277 ~ 347Vac	420Vac	50kA	LN: 1.2kV, N-PE: 1.2kV	2
DT50 / 150-4V-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	120 ~ 127Vac	150Vac	50kA	L / NG: 0.7kV	1
DT50 / 180-4V-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	120 ~ 127Vac	180Vac	50kA	L / NG: 0.7kV	1
DT50 / 250-4V-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	220Vac	250Vac	50kA	L / NG: 1.0kV	1
DT50 / 275-4V-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	220 ~ 230Vac	275Vac	50kA	L / NG: 1.0kV	1
DT50 / 320-4V-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	240 ~ 277Vac	320Vac	50kA	L / NG: 1.0kV	1
DT50 / 420-4V-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	277 ~ 347Vac	420Vac	50kA	L / NG: 1.2kV	1
DT50 / 510-4V-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	400Vac	510Vac	50kA	L / NG: 1.5kV	1
DT50 / 550-4V-S	4	Ba giai đoạn 4W + G	480Vac	550Vac	50kA	L / NG: 1.5kV	1

giản đồ	Basic Circuit Diagram	Vẽ Dimension
1) 4 + 0	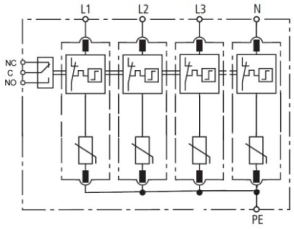	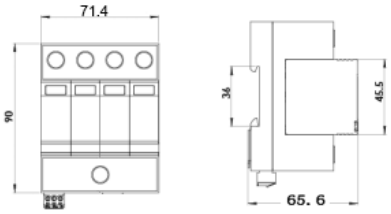
2) 3 + 1	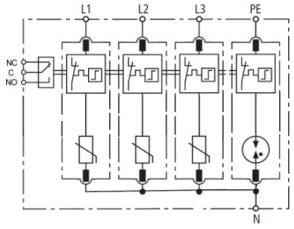	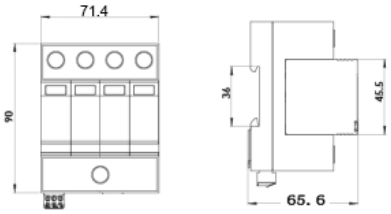
3) 3 + 0	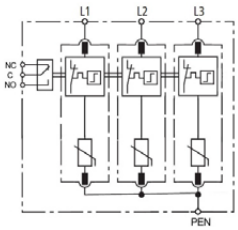	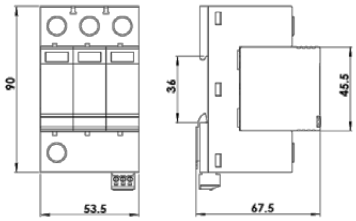
4) 1 + 1	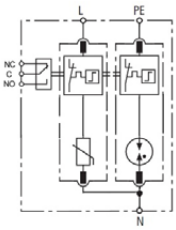	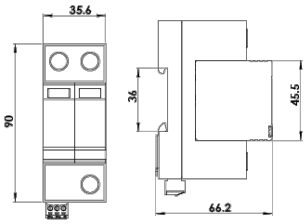
5) 2 + 0	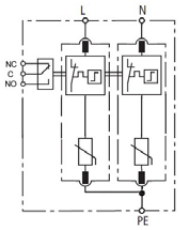	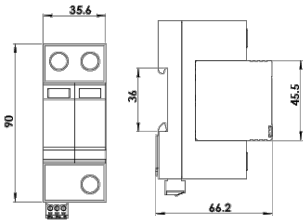

Độc Cực SPD

?? Thiết kế Redudant ?? TPAE bằng sáng chế ?? tôi max 100kA

V100E ... -S

- ETL được chứng nhận Kiểu 1ca (UL1449 4th), Loại 2ca (CSA C22.2) SPD với công nghệ MOV năng lượng cao
- thiết kế mô-đun cần thiết, bảo vệ sẽ không bị gián đoạn khi một tình trạng quá tải mô hình cần thay thế
- độ tin cậy cao do toàn cầu cấp bằng sáng chế nhiệt bảo vệ với thiết bị đặc biệt hồ quang dập tắt (TPAE Công nghệ)
- tăng cao khả năng xả hiện nay lên đến 100kA 8 / 20μs
- Ngắn mạch 200kArms Đánh giá hiện tại
- mô-đun Pluggable để dễ dàng thay thế
- dấu hiệu suy thoái và tùy chọn liên lạc tín hiệu từ xa
- Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4th, IEEE C62.41, CSA C22.2

Mô hình		V100E / 150-S	V100E / 180-S	V100E / 250-S	V100E / 275-S	V100E / 320-S	V100E / 420-S	V100E / 510-S	V100E / 550-S
tuân		UL 1449 4th; EN / IEC 61.643-11							
Thể loại UL / EN / IEC		Loại 1ca / T2 / Class II							
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC / DC)	U_c	150V / 200V	180V / 240V	250V / 330V	275V / 370V	320V / 420V	420V / 560V	510V / 670V	550V / 710V
Công nghệ		công nghệ MOV năng lượng cao; công nghệ TPAE (bằng sáng chế); Hai mô-đun / thiết kế dư thừa							
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / L-PE hoặc LN hoặc N-PE							
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20μs)	tôi n	20kA							
Max. Xả hiện tại (8 / 20μs)	tôi max	100kA							
Bảo vệ điện áp 6kV Đánh giá / 3kA UL 1449	VPR	≤ 0.7kV	≤ 0.7kV	≤ 1.0kV	≤ 1.0kV	≤ 1.0kV	≤ 1.2kV	≤ 1.5kV	≤ 1.5kV
Tạm thời quá áp TOV - Chế độ chịu được	U_{tov}	175V / 5s	228V / 5s	320V / 5s	335V / 5s	335V / 5s	504V / 5s	610V / 5s	697V / 5s
hiện tại còn lại	tôi PE	<0.1mA							
Đánh giá ngắn mạch hiện tại mỗi UL 1449	tôi scr	200kArms							
Ngắn mạch Đánh giá hiện tại mỗi IEC 61.643	tôi sc	10kArms							
Thời gian đáp ứng	t Một	≤ 25ns							
Sao lưu Fuse (chỉ cần thiết nếu chưa được cung cấp trong nguồn điện)		125A GL / GG							
môi trường		Nhiệt độ: - 40ºC ~ + 85ºC; Độ ẩm: ≤ 95%; độ cao: ≤ 2000m							
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 35mm 2; đa sợi 25mm 2							
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3							
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0							
Mức độ bảo vệ		IP20							
Chiều rộng lắp đặt		2 mô-đun, DIN 43.880							
Thất bại Chỉ định / Tình trạng		Không RED-							
Từ xa báo động Liên hệ		Vắng							
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		ETL, CE							
Dữ liệu bổ sung cho Remote Alarm hệ từ xa Alarm Loại Liên									
hệ		Isolated Mẫu C							
Switching Capability U_n / tôi n		AC: 250V / 0.5A; DC: 250V / 0.1A; 125V / 0.2A; 75V / 0.5A							
Max. Kích thước của kết nối Wire		Max. 1.5mm 2 (hoặc # 16AWG)							

?? Vẽ Dimension

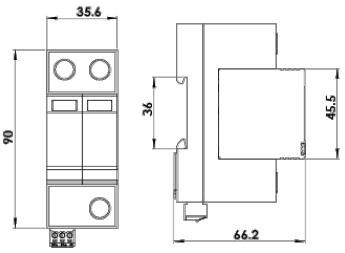

?? Basic Circuit Diagram

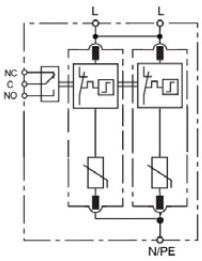

Độc Cực SPD

?? Thiết kế Redudant ?? N-PE ?? tôi max 100kA

G100E ... -S

- ETL được chứng nhận Kiểu 1ca SPD (UL1449 4 th), Loại 2ca (CSA C22.2) với GDT năng lượng cao công nghệ để bảo vệ NPE
- thiết kế mô-đun cần thiết, bảo vệ sẽ không bị gián đoạn trong khi mô hình một tình trạng quá tải cần thay thế
- độ tin cậy cao do toàn cầu cấp bằng sáng chế nhiệt bảo vệ với đặc biệt hồ quang dập tắt thiết bị (công nghệ TPAE).
- tăng cao khả năng xả hiện nay lên đến 100kA 8/20
- mô-đun Pluggable để dễ dàng thay thế
- dấu hiệu suy thoái và tùy chọn liên lạc tín hiệu từ xa
- Tuân thủ các tiêu chuẩn IEC / EN 61.643-11, UL 1449 4 thứ, IEEE C62.41, CSA C22.2

Mô hình		G100E / 150-S	G100E / 255-S	G100E / 350-S	G100E / 440-S
tuân		EN / IEC 61.643-11, UL 1449 4 thứ			
Thể loại UL / EN / IEC		Loại 1ca / T2 / Class II			
Max. Liên tục điện áp hoạt động (AC)	U_c	150V	255V	350V	440V
Công nghệ		GDT công nghệ công nghệ TPAE (bằng sáng chế) Hai mô-đun / thiết kế dư thừa			
Cổng / Chế độ bảo vệ		1 / N-PE			
Danh nghĩa Xả hiện tại (8 / 20µs)	tôi n	20kA			
Max. Xả hiện tại (8 / 20µs)	tôi max	100kA			
Voltage Protection Rating @ 6kV / 3kA UL 1449	VPR	≤ 0.8kV	≤ 1.0kV	≤ 1.2kV	≤ 1.5kV
Tạm thời quá áp TOV - Chế độ chịu được	U_{tov}	1200V / 200ms	1200V / 200ms	1200V / 200ms	1200V / 200ms
hiện tại còn lại	tôi PE	Không			
Làm theo hiện Interrupt Đánh giá	tôi fi	200A @ 255Vac			
Thời gian đáp ứng	t Một	≤ 100ns			
môi trường		Nhiệt độ: -40ºC ~ + 85ºC; Độ ẩm: ≤ 95%; độ cao: ≤ 2000m			
Mặt cắt ngang của dây kết nối		Single-strand 35mm 2; đa sợi 25mm 2			
gắn		35mm DIN-rail theo EN 50.022 / DIN46277-3			
Vật liệu bao vây		nhiệt dẻo; mức độ chữa cháy UL94 V-0			
Mức độ bảo vệ		IP20			
Chiều rộng lắp đặt		2 mô-đun, DIN 43.880			
Thất bại Chỉ định / Tình trạng		Không RED-			
Từ xa báo động Liên hệ		Vàng			
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		ETL, CE			
Dữ liệu bổ sung cho Remote Alarm hệ từ xa Alarm Loại Liên					
hệ		Isolated Mẫu C			
Switching Capability U_n / tôi n		AC: 250V / 0.5A; DC: 250V / 0.1A; 125V / 0.2A; 75V / 0.5A			
Max. Kích thước của kết nối Wire		Max. 1.5mm 2 (hoặc # 16AWG)			

?? Vẽ Dimension

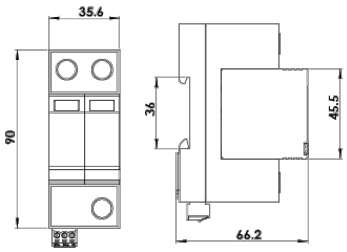

?? Basic Circuit Diagram

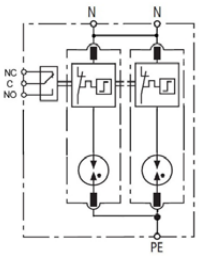

bảng điều chỉnh SPD

Một-Port Bảng điều chỉnh SPD

Hai-Port Surge Lọc

một cổng Bảng điều chỉnh SPD Prosurge có thể được phân thành 2 dòng:

1) PSP Dòng Bảng điều chỉnh SPD

PSP E

25 ~ 50kA | Giai đoạn đơn

PSP B 50kA |

Giai đoạn đa

PSP C 100 ~ 300kA |

Giai đoạn đa

PTMOV / 20PTMOV như Hợp phần chính

2) PS Series Bảng điều chỉnh SPD

PS loạt 400 ~ 900kA |

Giai đoạn đa

SMTMOV / HSMTMOV như Hợp phần chính

Điện áp mã cho hệ thống phân phối điện

- 120SP, 240SP = 120 / 240V; 240 / 480V .... Chia pha ba dây + mặt đất (Hình 1)
- 120Y, 127Y, 240Y, 277Y, 347Y = 208Y120V, 220Y127V, 380Y220V & 400Y230V & 415Y240V, 480Y277V, 600Y347V ..... Wye ba pha (sao) bốn-wire + đất (Hình 2)
- 120H, 240H = 120 / 240V, 240V / 480V .... Ba pha đồng bằng chân cao (Hình 3)
- 240D, 480D, 600D = 240V, 480V, 600V .... ba pha đồng bằng ba dây + mặt đất (hình 4)
- 120s, 127S, 240S, 277S, 347S = 120V, 127V, 220V & 230V & 240V, 277V, 347V ..... Single-giai đoạn hai dây + mặt đất (Hình 5)

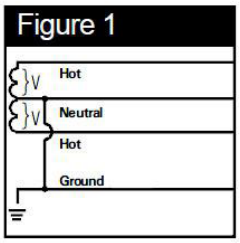

SPLIT
2 Hots, 1 Neu, 1 Grnd

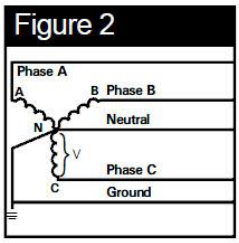

WYE
3 Hots, 1 Neu, 1 Grnd

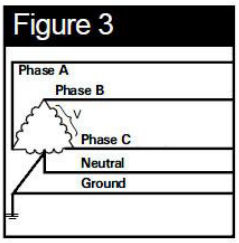

HI-LEG DELTA (B High)
3 Hots, (B HIGH),
1 Neu, 1 Grnd

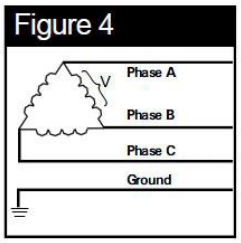

DELTA & HRG WYE
3 Hots, 1 Grnd

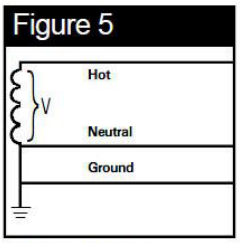

SINGLE POLE
1 Hot, 1 Neu, 1 Grnd

PSP Dòng Bảng điều chỉnh SPD

?? TPAE bằng sáng chế? PTMOV Bên trong ?? 25 ~ 300kA ?? Độc thân & nhiều giai đoạn

Prosurge PSP tấm loạt tăng được định nghĩa là một cửa giải pháp bảo vệ tăng hiệu suất cao đối với hầu hết các môi trường thương mại và công nghiệp với hoạt động quan trọng, bao gồm loại 1 và loại 2 sét Thiết bị bảo vệ để bảo vệ chống lại các nguy cơ tác hại của dâng thoáng qua. Những đợt tăng giá là kết quả của:

- sét đánh trực tiếp và gián tiếp
- công ty điện lực chuyển tải
- chuyển tải thượng nguồn tại các cơ sở khác

Tính năng, đặc điểm:

- UL loại 1 (ANSI / UL1449 4, CSA C22.2) SPDS
- UL Loại 2 (ANSI / UL1449 4, CSA C22.2) SPDS với theo dõi sóng sin
- Prosurge cấp bằng sáng chế SCCR 200kArms bảo vệ nhiệt công nghệ MOV (PTMOV / 20PTMOV) như thành phần quan trọng
- bảo vệ chế độ đầy đủ và khả năng năng lượng tăng cao trong kích thước nhỏ gọn
- giá bảo vệ điện áp thấp
- NEMA 4 / 4X bao vây để chống lại bụi bẩn, bụi và nước
- dấu hiệu suy thoái
- Surge sự kiện truy cập tùy chọn
- Floating xúc chuyển đổi cho báo động từ xa
- ren NPT

Các ứng dụng tiêu biểu:

- Thương mại
- công nghiệp
- Truyền thông
- Năng lượng tái tạo
- điện quan trọng (các bệnh viện, các trung tâm dữ liệu, vv)

PTMOV / 20PTMOV như Hợp phần chính

Cấu hình & Thông tin đặt hàng

PSP Mô hình	277Y Điện áp và hệ thống cấu hình	C chế độ bảo vệ	42 công suất tăng	M Bao vây	/ T1 SPD loại	CTA chức năng addtional
PSP	120SP: 120 / 240V split 240SP: 240 / 480V split 120Y: 120 / 208V WYE 277Y: 277 / 480V WYE 120H: 120 / 240V delta-chân cao 240D: đồng bằng 240V 120s: 120V 1ph, 2W + G ...	C: Xóa chế độ bảo vệ NG	11: 25kA / giai đoạn 12: 50kA / giai đoạn 22: 100kA / phase 32: 150kA / phase 42: 200kA / phase 52: 250kA / phase 62: 300kA / phase	M: bao vây kim loại (Chỉ có loại C2) * Phần số mà không cần M có nghĩa là nhựa bao vây (E, B, C1 loại)	T1: UL loại 1 SPD T2F: UL loại 2 SPD với theo dõi sóng sin	C: tăng sự kiện truy cập T: pretest thất bại A: báo động từ xa

PSP E Series

?? 25 ~ 50kA ?? Giai đoạn đơn

- UL niêm yết Loại 1 đơn pha nhỏ gọn bảng SPD
- bảo vệ chế độ đầy đủ
- SCCR (ngắn mạch Đánh giá hiện tại) 200kArms - thử nghiệm mà không cầu chì bên ngoài hoặc CB
- công suất tăng 25 ~ 50kA 8 / 20μs mỗi giai đoạn
- Cấp bằng sáng chế PTMOV / 20PTMOV như chìa khóa thành phần
- dấu hiệu suy thoái
- NEMA 4X bao vây
- Tuân thủ UL1449 4 thứ, IEEE C62.41, CSA C22.2, IEC / EN 61.643-11

loại PSP		E
tuân		ANSI / UL 1449 4 thứ, CSA C22.2
Kiểu kết nối		song song kết nối
cổng		1
Surge Công suất mỗi giai đoạn		25 ~ 50kA
Current Xả danh nghĩa	tôi n	10kA
Đánh giá ngắn mạch hiện tại mỗi UL 1449	tôi scr	200kArms
Chỉ định sức mạnh Status		Bình thường = LED ON
Làm việc Chỉ định Status		Thất bại = LED Tắt
sức mạnh kết nối		# 12 AWG, L = đen; N = trắng; PE = màu xanh lá cây
môi trường		Nhiệt độ: -40ºC ~ + 80ºC; Độ ẩm: tương đối 5 ~ 95% (25ºC); độ cao: ≤ 3km
Kích thước, W x D x H		90 x 58 x 41mm
Bao vây		bao vây nhựa, NEMA 4X
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		UL

?? Vẽ Dimension

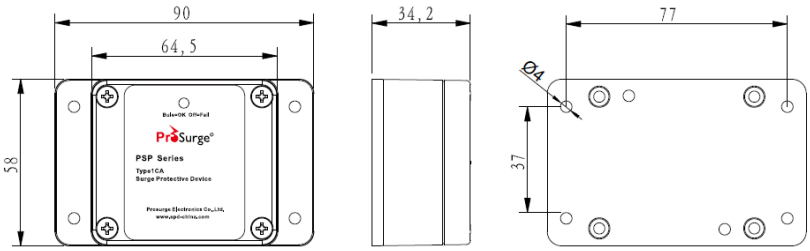

PSP E Series - Thông số kỹ thuật

Mẫu số	Điện áp hệ thống (50 / 60Hz)	Trong (kA)	Protected Mode				Ratings Bảo vệ điện áp (VPR @ 6kV / 3kA), V				Surge Capability mỗi pha	MCOV (Vac)
			LN LG	NG LL			LN	LG	NG	LL		
PSPE120SP11 / T1	120 / 240V chia pha	10	×	√	×	√	-	700	-	1500	25kA	150/300
PSPE120SP12 / T1			×	√	×	√	-	700	-	1200	50kA	150/320
PSPE240SP11 / T1	240 / 480V chia pha	10	×	√	×	√	-	1200	-	2500	25kA	320/640
PSPE240SP12 / T1			×	√	×	√	-	1200	-	1800	50kA	320/550
PSPE127S11 / T1	127V Single-giai đoạn	10	√	√	√	×	1400	700	700	-	25kA	150
PSPE127S12 / T1			√	√	√	×	700	700	700	-	50kA	150
PSPE277S11 / T1	277V Single-giai đoạn	10	√	√	√	×	2500	1200	1200	-	25kA	320
PSPE277S12 / T1			√	√	√	×	1200	1200	1200	-	50kA	320
PSPE347S11 / T1	347V Single-giai đoạn	10	√	√	√	×	3000	1500	1500	-	25kA	420
PSPE347S12 / T1			√	√	√	×	1500	1500	1500	-	50kA	420

Lưu ý: "*" MCOV cho L1-L2

PSP E Series - Basic Circuit Diagram

PSP ...	PSP ... SP11 ...	PSP ... SP12 ...	PSP ... S11 ...	PSP ... S12 ...
Un / Hệ thống điện (50 / 60Hz)	120 / 240VAC chia giai đoạn 240 / 480VAC chia giai đoạn	120 / 240VAC chia giai đoạn 240 / 480VAC chia giai đoạn ...	120VAC giai đoạn duy nhất 127VAC giai đoạn duy nhất 240VAC giai đoạn duy nhất 277VAC giai đoạn duy nhất 347VAC giai đoạn duy nhất ...	120VAC giai đoạn duy nhất 127VAC giai đoạn duy nhất 240VAC giai đoạn duy nhất 277VAC giai đoạn duy nhất 347VAC giai đoạn duy nhất ...

PSP B Series

?? 50kA ?? Giai đoạn đa

loại PSP		B
tuân		ANSI / UL 1449 4 thứ, CSA C22.2
Kiểu kết nối		song song kết nối
cổng		1
Surge Công suất mỗi pha		50kA
Current Xả danh nghĩa	tối n	10kA / 20kA
Đánh giá ngắn mạch hiện tại mỗi UL 1449	tối sccr	200kArms
EMI / RFI lọc *		theo dõi sóng sin (đối với loại 2)
Chỉ định sức mạnh Status		Bình thường = Blue LED ON
Làm việc Chỉ định Status		Thất bại = Surge Protection LED trên
sức mạnh kết nối		# 12 AWG, A (L1) = đen; B (L2) = màu đỏ; C (L3) = màu xanh; N = trắng; PE = màu xanh lá cây
Cáp tín hiệu (Remote Alarm) *		# 16 AWG, 45mm (17,72") chiều dài C = red; NC = màu xanh; NO = nâu
môi trường		Nhiệt độ: -40ºC ~ + 75ºC; Độ ẩm: tương đối 5 ~ 95% (25ºC); độ cao: ≤ 3km
Kích thước, W x D x H		162 x 80 x 76 mm
ren NPT		1/2" NPT
Bao vây		bao vây nhựa, NEMA 4X

Lưu ý: * Tùy chọn

- UL Loại 1/2 nhỏ gọn bảng SPD
- chức năng theo dõi sóng sin không bắt buộc (đối với UL Loại 2 niêm yết)
- bảo vệ chế độ đầy đủ
- Ngắn mạch 200kArms Đánh giá hiện tại mà không cần kiểm tra cầu chì bên ngoài hoặc CB
- công suất tăng 50kA 8 / 20μs mỗi pha
- Cấp bằng sáng chế công nghệ PTMOV bên trong
- NEMA 4X bao vây
- dấu hiệu suy thoái
- Alarm tùy chọn từ xa
- Tuân thủ UL1449 4 thứ, IEEE C62.41, CSA C22.2, IEC / EN 61.643-11

?? Vẽ Dimension

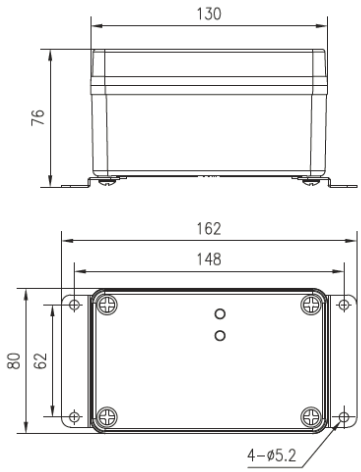

PSP B Series - Thông số kỹ thuật

Mẫu số	Điện áp hệ thống (50 / 60Hz)	Trong (kA)	Protected Mode				Ratings Bảo vệ điện áp (VPR @ 6kV / 3kA), V				Surge Công suất mỗi pha	MCOV (Vac)
			LN LG	NG LL			LN	LG	NG	LL		
Trong: 10kA												
PSP120SP12 / * Một	120 / 240V Chia pha	10 ü ü ü ü					700	700	700	1200	50kA	150/300
PSP120SPC12 / * Một	120 / 240V Chia pha Không trung lập	10	Ü Ü				-	700	-	1200	50kA	150/300
PSP240SP12 / * Một	240 / 480V Chia pha	10 ü ü ü ü					1200	1200	1200	2000	50kA	320/640
PSP240SPC12 / * Một	240 / 480V Chia pha Không trung lập	10	Ü Ü				-	1200	-	2000	50kA	320/640
PSP120Y12 / * Một	208Y120V Ba pha chư y	10 ü ü ü ü					700	700	700	1200	50kA	150
PSP120YC12 / * Một	208Y120V Ba pha chư y không trung lập	10	Ü Ü				-	700	-	1200	50kA	150

PSP B Series - Thông số kỹ thuật

Mẫu số	Điện áp hệ thống (50 / 60Hz)	Trong (kA)	Protected Mode					Ratings Bảo vệ điện áp (VPR @ 6kV / 3kA), V				Surge Công suất mỗi pha	MCOV (Vạc)
			LN LG	NG LL				LN	LG	NG	LL		
PSP127Y12 / * Một	220Y127V Ba pha chư y	10 ü ü ü ü						700	700	700	1200	50kA	150
PSP127YC12 / * Một	220Y127V Ba pha chư y không trung lập	10	Ù Ù					-	700	-	1200	50kA	150
PSP240Y12 / * Một	415Y240V Ba pha chư y	10 ü ü ü ü						1200	1200	1200	2000	50kA	320
PSP240YC12 / * Một	415Y240V Ba pha chư y không trung lập	10	Ù Ù					-	1200	-	2000	50kA	320
PSP277Y12 / * Một	480Y277V Ba pha chư y	10 ü ü ü ü						1200	1200	1200	2000	50kA	320
PSP277YC12 / * Một	480Y277V Ba pha chư y không trung lập	10	Ù Ù					-	1200	-	2000	50kA	320
PSP347Y12 / * Một	600Y347V Ba pha chư y	10 ü ü ü ü						1500	1500	1500	2500	50kA	420
PSP347YC12 / * Một	600Y347V Ba pha chư y không trung lập	10	Ù Ù					-	1500	-	2500	50kA	420
PSP120H12 / * Một	120 / 240V cao chân đồng bằng	10 ü ü ü ü						700-1200HL	700-1200HL	700	1200-2000HL	50kA	150/320 (HL)
PSP120HC12 / * Một	120 / 240V đồng bằng cao chân Không trung lập	10	Ù Ù					-	700-1200HL	-	1200-2000HL	50kA	150/320 (HL)
PSP240H12 / * Một	240 / 480V cao chân đồng bằng	10 ü ü ü ü						1200-1800HL	1200-1800HL	1200	2000-3000HL	50kA	320/550 (HL)
PSP240HC12 / * Một	240 / 480V đồng bằng cao chân Không trung lập	10	Ù Ù					-	1200-1800HL	-	2000-3000HL	50kA	320/550 (HL)
PSP240D12 / * Một	240V Ba pha đồng bằng	10	Ù Ù					-	1200	-	1200	50kA	320
PSP480D12 / * Một	480V Ba pha đồng bằng	10	Ù Ù					-	1800	-	3000	50kA	550
PSP600D12 / * Một	600V Ba pha đồng bằng	10	Ù Ù					-	2000	-	4000	50kA	690
PSP120S12 / * Một	120V Single-giai đoạn	10 ü ü ü ü						700	700	700	-	50kA	150
PSP127S12 / * Một	127V Single-giai đoạn	10 ü ü ü ü						700	700	700	-	50kA	150
PSP240S12 / * Một	240V Single-giai đoạn	10 ü ü ü ü						1200	1200	1200	-	50kA	320
PSP277S12 / * Một	277V Single-giai đoạn	10 ü ü ü ü						1200	1200	1200	-	50kA	320
PSP347S12 / * Một	347V Single-giai đoạn	10 ü ü ü ü						1500	1500	1500	-	50kA	420
Trong: 20kA													
20PSP120SP12 / * Một	120 / 240V Chia pha	20 ü ü ü ü						700	700	700	1200	50kA	150/300
20PSP120SPC12 / * Một	120 / 240V Chia pha Không trung lập	20	Ù Ù					-	700	-	1200	50kA	150/300
20PSP240SP12 / * Một	240 / 480V Chia pha	20 ü ü ü ü						1200	1200	1200	2000	50kA	320/640
20PSP240SPC12 / * Một	240 / 480V Chia pha Không trung lập	20	Ù Ù					-	1200	-	2000	50kA	320/640
20PSP120Y12 / * Một	208Y120V Ba pha chư y	20 ü ü ü ü						700	700	700	1200	50kA	150
20PSP120YC12 / * Một	208Y120V Ba pha chư y không trung lập	20	Ù Ù					-	700	-	1200	50kA	150

PSP B Series - Thông số kỹ thuật

Mẫu số	Điện áp hệ thống (50 / 60Hz)	Trong (kA)	Protected Mode				Ratings Bảo vệ điện áp (VPR @ 6kV / 3kA), V				Surge Công suất mỗi pha	MCOV (Vac)
			LN LG	NG LL			LN	LG	NG	LL		
20PSP127Y12 / * Một	220Y127V Ba pha chư y	20 ü ü ü ü					700	700	700	1200	50kA	150
20PSP127YC12 / * Một	220Y127V Ba pha chư y không trung lập	20	Ú Ú				-	700	-	1200	50kA	150
20PSP240Y12 / * Một	415Y240V Ba pha chư y	20 ü ü ü ü					1200	1200	1200	2000	50kA	320
20PSP240YC12 / * Một	415Y240V Ba pha chư y không trung lập	20	Ú Ú				-	1200	-	2000	50kA	320
20PSP277Y12 / * #	480Y277V Ba pha chư y	20 ü ü ü ü					1200	1200	1200	2000	50kA	320
20PSP277YC12 / * #	480Y277V Ba pha chư y không trung lập	20	Ú Ú				-	1200	-	2000	50kA	320

PSP B Series - Basic Circuit Diagram

Un / Hệ thống điện (50/60 HZ)	Basic Circuit Sơ đồ mạch bảo vệ quá áp	
	Hệ thống điện với Neutral dòng	Hệ thống điện mà không Neutral dòng
120 / 240VAC chia giai đoạn 240 / 480VAC chia giai đoạn ...	PSP ... SP12 ... (3W + G) 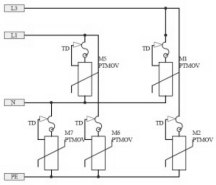	PSP ... SPC12 ... (2W + G) 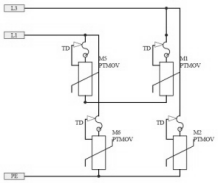
120VAC đơn giai đoạn 127VAC giai đoạn duy nhất 220VAC giai đoạn duy nhất 230VAC giai đoạn duy nhất 240VAC giai đoạn duy nhất 277VAC giai đoạn duy nhất 347VAC giai đoạn duy nhất ...	PSP ... S12 ... (2W + G) 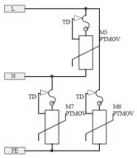	
120 / 208VAC WYE 127 / 220VAC WYE 220 / 380VAC WYE 230 / 400VAC WYE 240 / 415VAC WYE 277 / 480VAC WYE 347 / 600VAC WYE ...	PSP ... Y12 ... (4W + G) 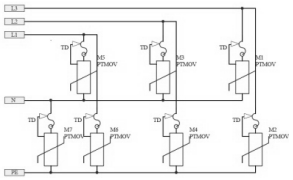	PSP ... YC12 ... (3W + G) 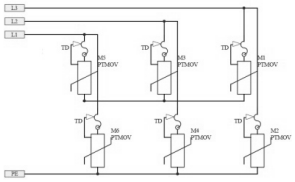
240VAC Delta 480VAC Delta 600VAC Delta ...		PSP ... D12 ... (3W + G) 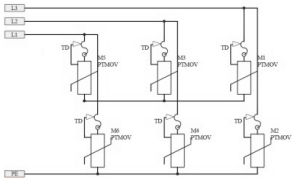
đồng bằng 120 / 240VAC cao chân 240 đồng bằng / 480VAC cao chân ...	PSP ... H12 ... (4W + G, L2 là cao chân) 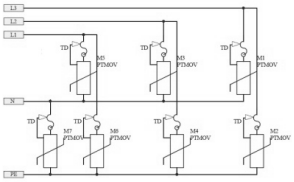	PSP ... HC12 ... (3W + G, L2 là cao chân) 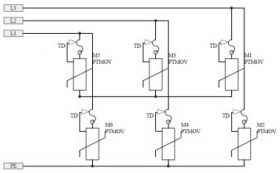

PSP C Series

?? 100 ~ 300kA ?? Giai đoạn đa

C1: NEMA 4X nhựa Enclosure

C2: NEMA 4 kim loại Enclosure

- UL Loại 1/2 nhỏ gọn bảng SPD
- chức năng theo dõi sóng sin không bắt buộc (đối với UL Loại 2 niêm yết)
- bảo vệ chế độ đầy đủ
- SCCR (ngắn mạch Đánh giá hiện tại) 200kArms thử nghiệm mà không cầu chì bên ngoài hoặc CB
- công suất tăng 100 ~ 300kA 8 / 20μs mỗi pha
- Cấp bằng sáng chế công nghệ PTMOV bên trong
- Hai loại bao vây, NEMA 4X nhựa và NEMA bao vây 4 kim loại
- Suy thoái dấu hiệu.
- Surge sự kiện truy cập tùy chọn
- Alarm tùy chọn từ xa
- Tuân thủ UL1449 4 thứ, IEEE C62.41, CSA C22.2, IEC / EN 61.643-11

loại PSP		C
tuân		ANSI / UL 1449 4 thứ, CSA C22.2
Kiểu kết nối		song song kết nối
cổng		1
Surge Công suất mỗi giai đoạn		100 ~ 300kA
Current Xả danh nghĩa	tối n	20kA
Đánh giá ngắn mạch hiện tại mỗi UL 1449	tối scer	200kArms
EMI / RFI lọc *		theo dõi sóng sin (đối với loại 2)
Sét Counter hiện tại *		≥ 200A (với nút Reset)
Thất bại trước thử nghiệm *		Nhấn 2S (nút kiểm tra)
Chỉ định sức mạnh Status		Bình thường = Blue LED ON
Làm việc Chỉ định Status		Bình thường = Blue LED ON; Thất bại = màu xanh LED chuyển sang đỏ
sức mạnh kết nối		# 10 AWG, A (L1) = đen; B (L2) = màu đỏ; C (L3) = màu xanh; N = trắng; PE = màu xanh lá cây
Cáp tín hiệu (Remote Alarm) *		# 16 AWG, C = red; NC = màu xanh; NO = nâu
môi trường		Nhiệt độ: -40ºC ~ + 75ºC; Độ ẩm: tương đối 5 ~ 95% (25ºC); độ cao: ≤ 3km
Kích thước, W x D x H		232 x 150 x 106 mm (C1) 286 x 200 x 120 mm (C2)
ren NPT		3/4" NPT
Bao vây		bao vây nhựa, NEMA 4X (C1) kim loại bao vây, NEMA 4 (C2)
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		UL

?? **Vẽ Dimension**

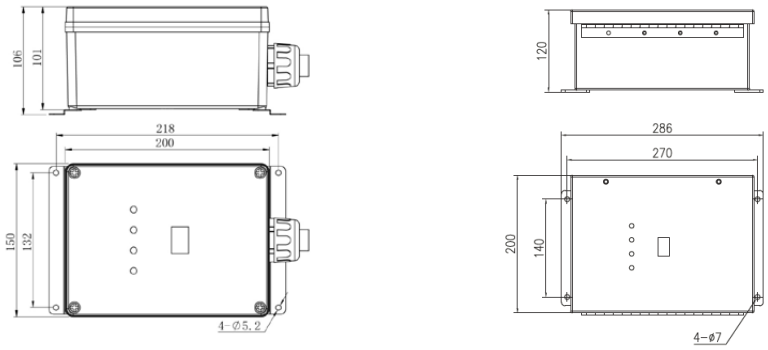

PSP C Series - Thông số kỹ thuật

Lưu ý: "%" có nghĩa là 2 ~ 6 (công suất sét 100kA ~ 300kA mỗi giai đoạn)

Mẫu số	Điện áp hệ thống (50 / 60Hz)	Trong (kA)	Protected Mode				Ratings Bảo vệ điện áp (VPR @ 6kV / 3kA)				Surge Công suất mỗi pha	MCOV (Vac)
			LN	LG	NG	LL	LN	LG	NG	LL		
PSP120SP% 2 / * CTA	120 / 240V Chia pha	20	ü	ü	ü	ü	700	800	800	1200	100 ~ 300kA	150/300
PSP120SPC% 2 / * CTA	120 / 240V Chia pha Không trung lập	20	Ù	Ù			-	800	-	1200	100 ~ 300kA	150/300
PSP240SP% 2 / * CTA	240 / 480V Chia pha	20	ü	ü	ü	ü	1200	1200	1200	2000	100 ~ 300kA	320/640
PSP240SPC% 2 / * CTA	240 / 480V Split-pha, Không trung lập	20	Ù	Ù			-	1200	-	2000	100 ~ 300kA	320/640
PSP120Y% 2 / * CTA	208Y120V Ba pha chư y	20	ü	ü	ü	ü	700	800	800	1200	100 ~ 300kA	150
PSP120YC% 2 / * CTA	208Y120V Ba pha chư y không trung lập	20	Ù	Ù			-	800	-	1200	100 ~ 300kA	150
PSP127Y% 2 / * CTA	220Y127V Ba pha chư y	20	ü	ü	ü	ü	700	800	800	1200	100 ~ 300kA	150
PSP127YC% 2 / * CTA	220Y127V Ba pha chư y, Không Trung tính	20	Ù	Ù			-	800	-	1200	100 ~ 300kA	150
PSP240Y% 2 / * CTA	415Y240V Ba pha chư y	20	ü	ü	ü	ü	1200	1200	1200	2000	100 ~ 300kA	320
PSP240YC% 2 / * CTA	415Y240V Ba pha chư y, Không Trung tính	20	Ù	Ù			-	1200	-	2000	100 ~ 300kA	320
PSP277Y% 2 / * CTA	480Y277V Ba pha chư y	20	ü	ü	ü	ü	1200	1200	1200	2000	100 ~ 300kA	320
PSP277YC% 2 / * CTA	480Y277V Ba pha chư y, Không trung lập	20	Ù	Ù			-	1200	-	2000	100 ~ 300kA	320
PSP347Y% 2 / * CTA	600Y347V Ba pha chư y	20	ü	ü	ü	ü	1500	1500	1500	2500	100 ~ 300kA	420
PSP347YC% 2 / * CTA	600Y347V Ba pha chư y, Không trung lập	20	Ù	Ù			-	1500	-	2500	100 ~ 300kA	420
PSP120H% 2 / * CTA	120 / 240V cao chân đồng bằng	20	ü	ü	ü	ü	700-1200HL	800 1200HL	800	1200-2000HL	100 ~ 300kA 150/320 (HL)	
PSP120HC% 2 / * CTA	120 / 240V đồng bằng cao chân, Không trung lập	20	Ù	Ù			-	800 1200HL	-	1200-2000HL	100 ~ 300kA 150/320 (HL)	
PSP240H% 2 / * CTA	240 / 480V cao chân đồng bằng	20	ü	ü	ü	ü	1200-1800HL	1200-1800HL	1200	2000-3000HL	100 ~ 300kA 320/550 (HL)	
PSP240HC% 2 / * CTA	240 / 480V đồng bằng cao chân, Không trung lập	20	Ù	Ù			-	1200-1800HL	-	2000-3000HL	100 ~ 300kA 320/550 (HL)	
PSP240D% 2 / * CTA	240V Ba pha đồng bằng	20	Ù	Ù			-	1200	-	1200	100 ~ 300kA	320
PSP480D% 2 / * CTA	480V Ba pha đồng bằng	20	Ù	Ù			-	1800	-	2000	100 ~ 300kA	550
PSP600D% 2 / * CTA	600V Ba pha đồng bằng	20	Ù	Ù			-	2000	-	2500	100 ~ 300kA	690
PSP120S% 2 / * CTA	120V Single-giai đoạn	20	ü	ü	ü	ù	700	800	800	-	100 ~ 300kA	150
PSP127S% 2 / * CTA	127V Single-giai đoạn	20	ü	ü	ü	ù	700	800	800	-	100 ~ 300kA	150
PSP240S% 2 / * CTA	240V Single-giai đoạn	20	ü	ü	ü	ù	1200	1200	1200	-	100 ~ 300kA	320
PSP277S% 2 / * CTA	277V Single-giai đoạn	20	ü	ü	ü	ù	1200	1200	1200	-	100 ~ 300kA	320
PSP347S% 2 / * CTA	347V Single-giai đoạn	20	ü	ü	ü	ù	1500	1500	1500	-	100 ~ 300kA	420

PSP C Series - Basic Circuit Diagram

Un / Hệ thống điện (50/60 HZ)	Surge Protection Basic Circuit Diagram	
	Hệ thống điện với Neutral dòng	Hệ thống điện mà không Neutral dòng
120 / 240VAC chia giai đoạn 240 / 480VAC chia giai đoạn ...	PSP ... SP% 2 ... (3W + G) 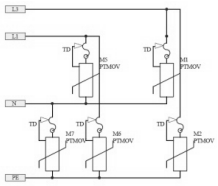	PSP ... SPC% 2 ... (2W + G) 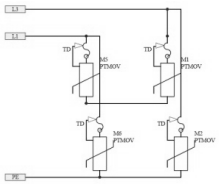
120VAC đơn giai đoạn 127VAC giai đoạn duy nhất 220VAC giai đoạn duy nhất 230VAC giai đoạn duy nhất 240VAC giai đoạn duy nhất 277VAC giai đoạn duy nhất 347VAC giai đoạn duy nhất ...	PSP ... S% 2 ... (2W + G) 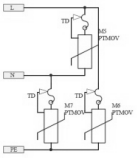	
120 / 208VAC WYE 127 / 220VAC WYE 220 / 380VAC WYE 230 / 400VAC WYE 240 / 415VAC WYE 277 / 480VAC WYE 347 / 600VAC WYE ...	PSP ... Y% 2 ... (4W + G) 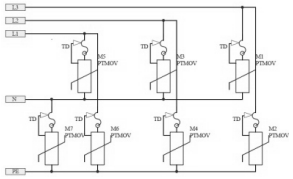	PSP ... YC% 2 ... (3W + G) 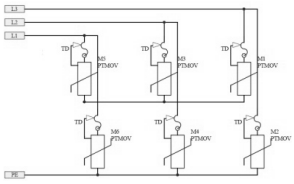
240VAC Delta 480VAC Delta 600VAC Delta ...		PSP ... D% 2 ... (3W + G) 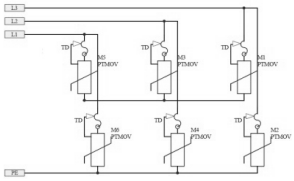
đồng bằng 120 / 240VAC cao chân 240 đồng bằng / 480VAC cao chân ...	PSP ... H% 2 ... (4W + G, L2 là cao chân) 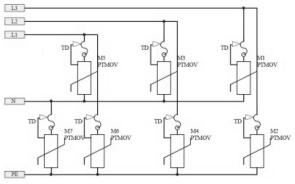	PSP ... HC% 2 ... (3W + G, L2 là cao chân) 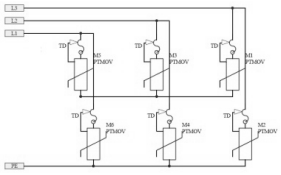

PS Series Bảng điều chỉnh SPD

?? TPAE bằng sáng chế? SMTMOV Bên trong ?? 400 ~ 900kA ?? Giai đoạn đa

SMTMOV / HSMTMOV như Hợp phần chính

PS Thể loại		D
tuân		ANSI / UL 1449 4 thứ, CSA C22.2
Kiểu kết nối		song song kết nối
cổng		1
Surge Công suất mỗi pha		150 ~ 900kA
Current Xả danh nghĩa	tối n	20kA
Đánh giá ngắn mạch hiện tại mỗi UL 1449	tối scr	200kArms
EMI / RFI lọc *		theo dõi sóng sin (đối với loại 2)
Sét Counter hiện tại *		≥ 200A (với nút Reset)
Thất bại trước thử nghiệm *		Nhấn 2S (nút kiểm tra)
Chỉ định sức mạnh Status		Bình thường = Blue LED ON
Làm việc Chỉ định Status		Ba giai đoạn (Normal = Blue LED ON; Cần thay thế = vàng; Thất bại = chuyển sang màu đỏ)
sức mạnh kết nối		# 8 AWG, A (L1) = đen; B (L2) = màu đỏ; C (L3) = màu xanh; N = trắng; PE = màu xanh lá cây
Cáp tín hiệu (Remote Alarm) *		# 16 AWG, C = red; NC = màu xanh; NO = nâu
môi trường		Nhiệt độ: -40ºC ~ + 85ºC; Độ ẩm: tương đối 5 ~ 95% (25ºC); độ cao: ≤ 3km
Kích thước, W x D x H		350 x 370 x 223mm
ren NPT		3/4" NPT
Bao vây		Kim loại bao vây, NEMA 4
Phê duyệt, cấp giấy chứng nhận		UL

Lưu ý: * Tùy chọn

Tính năng, đặc điểm

- UL niêm yết Loại 1/2 nhiệm vụ nặng nề bảng SPD
- chức năng theo dõi sóng sin không bắt buộc (đối với UL Loại 2 niêm yết)
- bảo vệ chế độ đầy đủ
- Ngắn mạch 200kArms Đánh giá hiện tại mà không cần kiểm tra cầu chì bên ngoài hoặc CB
- công suất tăng 150 ~ 900kA 8 / 20μs mỗi pha
- công nghệ cấp bằng sáng chế SMTMOV bên trong
- NEMA bao vây 4 kim loại
- Suy thoái dấu hiệu. Trước thời Failure Giám sát (AFM) công nghệ để đảm bảo bảo vệ sự đột biến vĩnh viễn
- Surge sự kiện truy cập tùy chọn
- Alarm tùy chọn từ xa
- Tuân thủ UL1449 4 thứ, IEEE C62.41, CSA C22.2, IEC / EN 61.643-11

Các ứng dụng tiêu biểu

Tại các địa điểm tiếp xúc cao

- Tất cả các mạch điện
- ứng dụng viễn thông (các tháp di động, trạm gốc, trung tâm dữ liệu, trung tâm chuyển giao, vv
- công nghiệp
- Thương mại
- Năng lượng tái tạo
- Dầu hay khoáng sản

Cấu hình & Thông tin đặt hàng

PS	277Y	C	42	T	T1	CA
Mô hình	Điện áp và hệ thống cấu hình	chế độ bảo vệ	công suất tăng	ống khí không bắt buộc	SPD loại	chức năng addtional
PS	120SP: 120 / 240V split 240SP: 240 / 480V split 120Y: 120 / 208V WYE 277Y: 277 / 480V WYE 120H: 120 / 240V delta-chân cao 240D: động bằng 240V 120s: 120V 1ph, 2W + G ...	C: Xóa chế độ bảo vệ NG G: Chỉ L / N (nếu cần) bảo vệ -G, xóa LN và LL (nếu có) bảo vệ N: Chỉ LN & NG bảo vệ, xóa bảo vệ LG N / A: bảo vệ chế độ đầy đủ	31: 150 hoặc 225 (1) kA / giai đoạn 41: 200 hoặc 300 (1) kA / giai đoạn 51: 250 hoặc 375 (1) kA / giai đoạn 61: 300 hoặc 450 (1) kA / giai đoạn 32: 300 hoặc 450 (1) kA / giai đoạn 42: 400 hoặc 600 (1) kA / giai đoạn 52: 500 hoặc 750 (1) kA / giai đoạn 62: 600 hoặc 900 (1) kA / giai đoạn	T: Gas ống sử dụng cho chế độ bảo vệ NG	T1: UL loại 1 SPD T2F: UL loại 2 SPD với theo dõi sóng sin	C: tăng sự kiện truy cập A: báo động từ xa

(1) Mô hình với công suất tăng cao hơn được xây dựng với HSMTMOV (phạm vi Uc: 150 ~ 320)

?? **Vẽ Dimension**

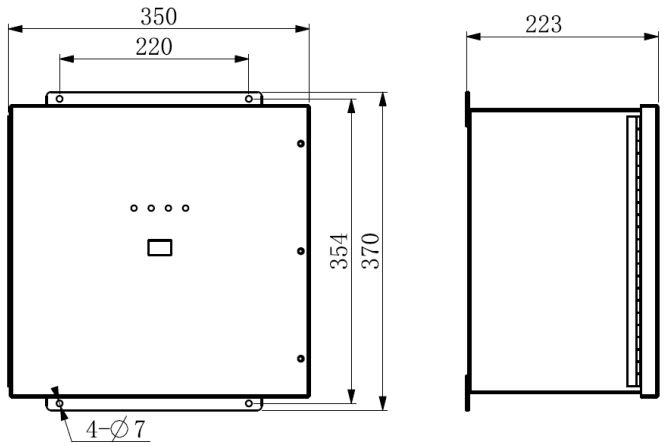

PS series - Thông số kỹ thuật

Lưu ý:% có nghĩa là từ 3 đến 6 (công suất sét 150kA ~ 450kA mỗi mode)
(2) **công suất sét của chế độ NPE là 100kA 10 / 350μs**

Mẫu số	Điện áp hệ thống (50 / 60Hz)	Trong (kA)	Protected Mode				Ratings Bảo vệ điện áp (VPR @ 6kV / 3kA), V				Tăng công suất mỗi pha (8 / 20μs)	Sét Công suất mỗi giai đoạn (10 / 350μs)	MCOV (Vac)
			LN	LG	NG	LL	LN	LG	NG	LL			
PS120SP% 2 / * CA	120 / 240V Chia pha	20	ü	ü	ü	ü	700	700	700	1200	300 ~ 900kA	25 ~ 80kA	150
PS120SPC% 1 / * CA			ü	ü	ü			700	-	1200	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA	150
PS120SPN% 1T / * CA			ü	ü	ü	ü	700	1500	1500	1200	**150 ~ 450kA**	**12,5 ~ 40kA** (2)	150
PS240SP% 2 / * CA	240 / 480V Chia pha	20	ü	ü	ü	ü	1200	1200	1200	2000	300 ~ 900kA	25 ~ 80kA	320
PS240SPC% 1 / * CA			ü	ü	ü			1200	-	2000	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA	320
PS240SPN% 1T / * CA			ü	ü	ü	ü	1200	2000	1500	2000	**150 ~ 450kA**	**12,5 ~ 40kA** (2)	320
PS120Y% 2 / * CA	208Y120V Ba pha chư y	20	ü	ü	ü	ü	700	700	700	1200	300 ~ 900kA	25 ~ 80kA	150
PS120YN% 1T / * CA			ü	ü	ü	ü	700	1500	1500	1200	**150 ~ 450kA**	**12,5 ~ 40kA** (2)	150
PS120YN% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	700	1200	700	1200	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA	150
PS120YG% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	1200	700	700	1200	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA	150
PS120YC% 1 / * CA			ü	ü	ü			700	-	1200	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA	150
PS127Y% 2 / * CA	220Y127V Ba pha chư y	20	ü	ü	ü	ü	700	700	700	1200	300 ~ 900kA	25 ~ 80kA	150
PS127YN% 1T / * CA			ü	ü	ü	ü	700	1500	1500	1200	**150 ~ 450kA**	**12,5 ~ 40kA** (2)	150
PS127YN% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	700	1200	700	1200	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA	150
PS127YG% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	1200	700	700	1200	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA	150
PS127YC% 1 / * CA			ü	ü	ü			700	-	1200	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA	150
PS230Y% 2 / * CA	400Y230V Ba pha chư y	20	ü	ü	ü	ü	1200	1200	1200	2000	300 ~ 900kA	25 ~ 80kA	320
PS230YN% 1T / * CA			ü	ü	ü	ü	1200	1500	1500	2000	**150 ~ 450kA**	**12,5 ~ 40kA** (2)	320
PS230YN% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	1200	2000	1200	2000	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA	320
PS230YG% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	2000	1200	1200	2000	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA	320
PS230YC% 1 / * CA			ü	ü	ü			1200	-	2000	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA	320
PS240Y% 2 / * CA	415Y240V Ba pha chư y	20	ü	ü	ü	ü	1200	1200	1200	2000	300 ~ 900kA	25 ~ 80kA	320
PS240YN% 1T / * CA			ü	ü	ü	ü	1200	1500	1500	2000	**150 ~ 450kA**	**12,5 ~ 40kA** (2)	320
PS240YN% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	1200	2000	1200	2000	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA	320
PS240YG% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	2000	1200	1200	2000	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA	320
PS240YC% 1 / * CA			ü	ü	ü			1200	-	2000	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA	320
PS277Y% 2 / * CA	480Y277V Ba pha chư y	20	ü	ü	ü	ü	1200	1200	1200	2000	300 ~ 900kA	25 ~ 80kA	320
PS277YN% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	1200	2000	1200	2000	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA	320
PS277YG% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	2000	1200	1200	2000	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA	320
PS277YC% 1 / * CA			ü	ü	ü			1200	-	2000	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA	320

PS series - Thông số kỹ thuật

Mẫu số	Điện áp hệ thống (50 / 60Hz)	Trong (kA)	Protected Mode				Ratings Bảo vệ điện áp (VPR @ 6kV / 3kA), V				Tăng công suất mỗi giai đoạn (8 / 20μs)	Sét Công suất mỗi giai đoạn (10 / 350μs)	MCOV (Vac)
			LN	LG	NG	LL	LN	LG	NG	LL			
PS347Y% 2 / * CA	600Y347V Ba pha giống hình chữ y	20	ü	ü	ü	ü	1500	1500	1500	2500	300 ~ 600kA	25 ~ 80kA	420
PS347YN% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	1500	2500	1500	2500	150 ~ 300kA	12.5 ~ 40kA	420
PS347YG% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	2500	1500	1500	2500	150 ~ 300kA	12.5 ~ 40kA	420
PS347YC% 1 / * CA			Ü	Ü			-	1500	-	2500	150 ~ 300kA	12.5 ~ 40kA	420
PS120H% 2 / * CA	120 / 240V cao chân đồng bằng	20	ü	ü	ü	ü	700-1200HL	700-1200HL		700 1200-2000HL	300 ~ 900kA	25 ~ 80kA	150 / 320HL
PS120HN% 1T / * CA			ü	ü	ü	ü	700-1200HL	1500-2000HL	1500 1200-2000HL	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA (2)		150 / 320HL
PS120HN% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	700-1200HL	1200-2000HL	700 1200-2000HL	150 ~ 450kA		12.5 ~ 40kA	150 / 320HL
PS120HG% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	1200-2000HL	700-1200HL		700 1200-2000HL	150 ~ 450kA	12.5 ~ 40kA	150 / 320HL
PS120HC% 1 / * CA			Ü	Ü			-	700-1200HL	-	1200-2000HL	150 ~ 450kA	12.5 ~ 40kA	150 / 320HL
PS240H% 2 / * CA	240 / 480V cao chân đồng bằng	20	ü	ü	ü	ü	1200-2000HL	1200-2000HL	1200 2000-3000HL	300 ~ 600kA		25 ~ 50kA	320 / 550HL
PS240HN% 1T / * CA			ü	ü	ü	ü	1200-2000HL	1500-3000HL	1500 2000-3000HL	150 ~ 300kA	12,5 ~ 25kA (2)		320 / 550HL
PS240HN% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	1200-2000HL	2000-3000HL	1200 2000-3000HL	150 ~ 300kA		12.5 ~ 25kA	320 / 550HL
PS240HG% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	2000-3000HL	1200-2000HL	1200 2000-3000HL	150 ~ 300kA		12.5 ~ 25kA	320 / 550HL
PS240HC% 1 / * CA			Ü	Ü			-	1200-2000HL	-	2000-3000HL	150 ~ 300kA	12.5 ~ 25kA	320 / 550HL
PS240D% 2 / * CA	240V Ba pha đồng bằng	20 Ü Ü					-	1200	-	1200	300 ~ 900kA	25 ~ 80kA	320
PS240DG% 1 / * CA			Ü	Ü			-	1200	-	1500	150 ~ 450kA	12.5 ~ 40kA	320
PS480D% N2 / * CA	480V Ba pha đồng bằng	20 Ü Ü					-	1800	-	1800	300 ~ 600kA	25 ~ 50kA	550
PS480DGx1 / * CA			Ü	Ü			-	1800	-	3000	150 ~ 300kA	12.5 ~ 25kA	550
PS600D% 2 / * CA	600V Ba pha đồng bằng	20 Ü Ü					-	2000	-	2000	300 ~ 600kA	25 ~ 50kA	690
PS600DG% 1 / * CA			Ü	Ü			-	2000	-	4000	150 ~ 300kA	12.5 ~ 25kA	690
PS120S% 2 / * CA	120V Single-giai đoạn 20		ü	ü	ü	ü	700	700	700	-	300 ~ 900kA	25 ~ 40kA	150
PS120SN% 1T / * CA			ü	ü	ü	ü	700	1500	1500	-	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA (2)	150
PS120SN% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	700	1200	700	-	150 ~ 450kA	12.5 ~ 40kA	150
PS120SG% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	1200	700	700	-	150 ~ 450kA	12.5 ~ 40kA	150
PS127S% 2 / * CA	127V Single-giai đoạn 20		ü	ü	ü	ü	700	700	700	-	300 ~ 900kA	25 ~ 40kA	150
PS127SN% 1T / * CA			ü	ü	ü	ü	700	1500	1500	-	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA (2)	150
PS127SN% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	700	1200	700	-	150 ~ 450kA	12.5 ~ 40kA	150
PS127SG% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	1200	700	700	-	150 ~ 450kA	12.5 ~ 40kA	150
PS230S% 2 / * CA	230V Single-giai đoạn 20		ü	ü	ü	ü	1200	1200	1200	-	300 ~ 900kA	25 ~ 40kA	320
PS230SN% 1T / * CA			ü	ü	ü	ü	1200	1500	1500	-	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA (2)	320
PS230SN% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	1200	2000	1200	-	150 ~ 450kA	12.5 ~ 40kA	320
PS230SG% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	2000	1200	1200	-	150 ~ 450kA	12.5 ~ 40kA	320
PS240S% 2 / * CA	240V Single-giai đoạn 20		ü	ü	ü	ü	1200	1200	1200	-	300 ~ 900kA	25 ~ 40kA	320
PS240SN% 1T / * CA			ü	ü	ü	ü	1200	1500	1500	-	150 ~ 450kA	12,5 ~ 40kA (2)	320
PS240SN% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	1200	2000	1200	-	150 ~ 450kA	12.5 ~ 40kA	320
PS240SG% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	2000	1200	1200	-	150 ~ 450kA	12.5 ~ 40kA	320
PS277S% 2 / * CA	277V Single-giai đoạn 20		ü	ü	ü	ü	1200	1200	1200	-	300 ~ 600kA	25 ~ 50kA	420
PS277SN% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	1200	2000	1200	-	150 ~ 300kA	12.5 ~ 25kA	420
PS277SG% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	2000	1200	1200	-	150 ~ 300kA	12.5 ~ 25kA	420
PS347S% 2 / * CA	347V Single-giai đoạn 20		ü	ü	ü	ü	1500	1500	1500	-	300 ~ 600kA	25 ~ 50kA	420
PS347SN% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	1500	2500	1500	-	150 ~ 300kA	12.5 ~ 25kA	420
PS347SG% 1 / * CA			ü	ü	ü	ü	2500	1500	1500	-	150 ~ 300kA	12.5 ~ 25kA	420

PS Series - Basic Circuit Diagram

Un hệ thống / Power (50/60 HZ)	Surge Protection Basic Circuit Diagram		Surge Protection Basic Circuit Diagram		
	mô hình bình thường	chế độ NG sử dụng GDT, Xóa chế độ LG (nếu có)	Xóa chế độ LG (nếu có)	Xóa LN hoặc chế độ LL (nếu có)	Xóa chế độ NG (nếu có)
120 / 240VAC chia giai đoạn 240 / 480VAC chia giai đoạn ...	PS ... SP% 2 ... (3W + G) 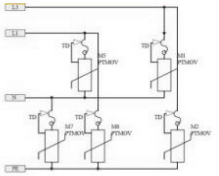	PS..SPN% 1T ... (3W + G) 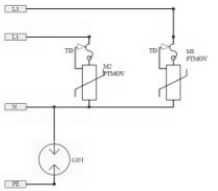			PS ... SPC% 1 ... (2W + G) 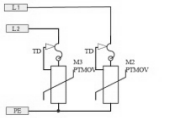
120VAC đơn giai đoạn 127VAC giai đoạn duy nhất 220VAC giai đoạn duy nhất 230VAC giai đoạn duy nhất 240VAC đơn giai đoạn 277VAC giai đoạn duy nhất 347VAC giai đoạn duy nhất ...	PS ... S% 2 ... (2W + G) 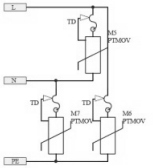	PS ... SN% 1T ... (2W + G) 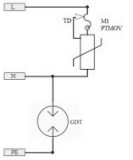	PS ... SN% 1 ... (2W + G) 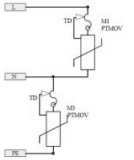	PS ... SG% 1 ... (2W + G) 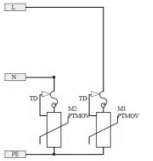	
120 / 208VAC WYE 127 / 220VAC WYE 220 / 380VAC WYE 230 / 400VAC WYE 240 / 415VAC WYE 277 / 480VAC WYE 347 / 600VAC WYE ...	PS ... Y% 2 ... (4W + G) 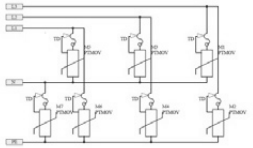	PS ... YN% 1T ... (4W + G) 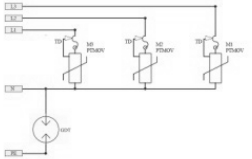	PS ... YN% 1 ... (4W + G) 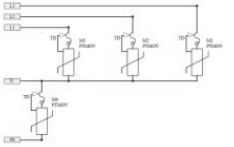	PS ... YG% 1 ... (4W + G) 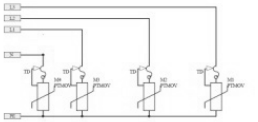	PS ... YC% 1 ... (3W + G) 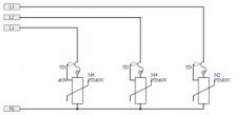
240VAC Delta 480VAC Delta 600VAC Delta ...	PS ... D% 2 ... (3W + G) 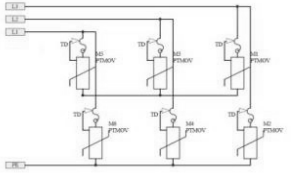			PS ... DG% 1 ... (3W + G) 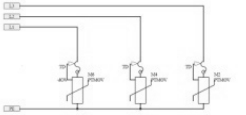	
chân 120 / 240VAC cao vào đồng bằng chân 240 / 480VAC cao vào đồng bằng ...	PS ... H% 2 ... (4W + G, L2 là cao chân) 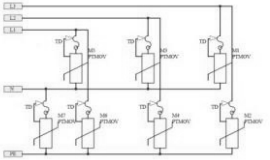	PS ... HN% 1T ... (4W + G, L2 là cao chân) 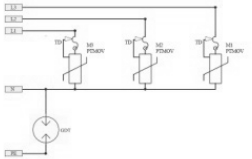	PS ... HN% 1 ... (4W + G, L2 là cao chân) 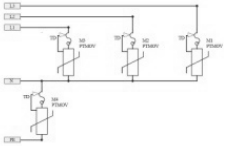	PS ... HG% 1 ... (4W + G, L2 là cao chân) 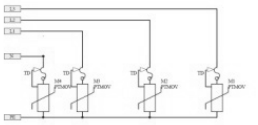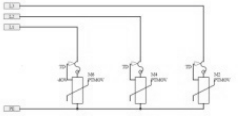	PS ... HC% 1 ... (3W + G, L2 là cao chân)